

Bản án số: 14/2019/HS-PT

Ngày: 30-01- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi

Ông Ngô Quang Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 237/2018/HSPT ngày 03/12/2018 đối với các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H, Đoàn Văn L, Trần Thị Y, Nguyễn Văn T do có kháng cáo của các bị cáo S, H, L, Y và T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 128/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Lê Văn S**, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Xóm Đt, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1951; vợ là chị Dương Thị H, sinh năm 1977; con: có ba con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2011; gia đình có ba anh em, bị cáo là thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; nhân T:

+ Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên xử 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng bản án số 05/2010/HS-ST ngày 03/02/2010.

+ Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên xử 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Phan Thị H**, sinh năm 1979; nơi ĐKHKTT: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: Tổ 28, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Trọng H, sinh năm 1954 và bà Lương Thị T, sinh năm 1956; chồng là Lê Bá T, sinh năm 1970 (đã ly hôn); con: Có ba con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2013; gia đình có bốn anh em, bị cáo là thứ nhất; tiền án: Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, xử 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng bản án số 51/2016/HST ngày 09/12/2016; tiền sự: Không; nhân thân: Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng theo bản án số 01/2003/HSST ngày 10/01/2003.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 13/02/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: **Đoàn Văn L**, sinh năm 1979; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1946; vợ là Vi Thị H, sinh năm 1981; con: Có ba con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012; gia đình có 6 anh em, bị cáo là thứ năm; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2011, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng theo bản án số 64/2011/HSST ngày 27/9/2011.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 13/02/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: **Trần Thị Y**, sinh năm 1981; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1956 và bà Đặng Thị C, sinh năm 1958; chồng là Trịnh Văn T, sinh năm 1978; con: Có hai con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; nhân T: Ngày 09/12/2013 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng 14 ngày theo bản án số 317/2013/HSST ngày 09/12/2013.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971; Vợ là Lưu Thị L, sinh năm 1995; Con: Có hai con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Gia đình có hai anh em, bị cáo là thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; nhân T: Ngày 09/12/2013, Tòa án nhân dân thành phố B xử 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm theo bản án số 317/2013/HSST ngày 09/12/2013.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Ngoài ra trong vụ án còn có 03 bị cáo khác, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ ngày 29/01/2018, tại phòng số 3, Công trường đang xây dựng khu văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Công an thành phố B bắt quả tang các đối tượng T Văn Thảo, sinh năm 1970, trú tại số 21, đường H, phường Đ, thành phố B; Phan Thị H, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 28, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Đào Hồng H, sinh năm 1980, trú tại số 06, ngõ 3 đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Nguyễn Văn H, sinh năm 1968, trú tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Đình T, sinh năm 1977, trú tại thôn A, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Lê Văn S, sinh năm 1977, trú tại thôn Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Hoàng Văn Đ, sinh năm 1967, trú tại thôn T, xã T, thành phố B; Lưu Thị T, sinh năm 1974, trú tại Khu 2 thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990, trú tại số nhà 05 thuộc tổ 3 phường C, quận L, thành phố Hà Nội; Trần Mỹ L, sinh năm 1979, trú tại xóm P, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Trần Thị Y, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Phạm Hồng Q, sinh năm 1981, trú tại Khu 1 thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Đoàn Văn L, sinh năm 1979, trú tại thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Thị A, sinh năm 1967, trú tại số nhà 58 đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Quá trình bắt quả tang, ngoài số đối tượng bị bắt giữ nêu trên, còn một số đối tượng khác đã lợi dụng sơ hở bỏ chạy thoát.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

- Thu tại chiếu bạc số tiền 30.000.000 đồng; 04 quân vị, 02 bảng vị, 01 bát con bằng sứ, 01 đĩa bằng sứ, 01 thảm vải màu đỏ cùng 32 chiếc ghế nhựa các loại màu.

- Thu tại phòng đánh bạc số tiền 260.000.000 đồng do các đối tượng bỏ chạy vớt lại.

- Thu giữ tại phòng đánh bạc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu ghi, số Imel:356680089869001, máy đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số IC579C-E3087A, máy đã qua sử dụng

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của các đối tượng những đồ vật, tài sản, gồm:

- Tạm giữ của Lê Văn S 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 2.200.000 đồng; 01 điện thoại di động Sam Sung S8, màu đen đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Phan Thị H số tiền 37.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Đoàn Văn L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 160.000 đồng.

- Tạm giữ của Trần Thị Y số tiền là 535.000 đồng.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen; số tiền 25.000 đồng.

- Tạm giữ của Nguyễn Đình T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X1 màu đỏ đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F3 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 10.400.000 đồng.

- Tạm giữ của Hoàng Văn Đ 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen và số tiền 43.700.000 đồng.

- Tạm giữ của Trần Mỹ L 01 điện thoại Sam sung J7 màu bạc, đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị Thanh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu AVIO A81 màu đỏ đen; số tiền 2.445.000 đồng;

- Tạm giữ của Đặng Thu H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, máy đã qua sử dụng. Số Model: A1661FCCID:BGG. E3087A-IC: 579C- E3087A;

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H 01 điện thoại Samsung J7+ màu trắng; 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 26.200.000 đồng;

- Tạm giữ của T 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu hồng trắng; 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 18.000.000 đồng;

- Tạm giữ của Lưu Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của Nguyễn Thị A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3 màu đen đã qua sử dụng; số tiền 40.100.000 đồng;

- Tạm giữ của Phạm Hồng Q 01 điện thoại di động Iphone 5 đã qua sử dụng; số tiền 5.000.000 đồng;

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H, Đoàn Văn L, Trần Thị Y, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn T, Trần Mỹ L khai nhận:

Ngày 29/01/2018, qua thông tin ngoài xã hội, S, H, L, Y, T, Đ, T và L tìm đến phòng số 3, Công trường đang xây dựng khu văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B để đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa nhưng không biết ai là người tổ chức, điều hành xóc bạc này. Tại đây, các bị cáo và nhiều đối tượng tham gia đánh bạc khác được bố trí ngồi trên hai hàng ghế nhựa được xếp theo chiều dọc của phòng, dưới nền phòng được trải thảm vải màu đỏ. Người xóc cái ngồi ở vị trí đầu dãy giữa hai hàng người tham gia đánh bạc sử dụng một bộ bát đĩa bằng sứ, bên trong có 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài đánh chắn ở hai mặt có màu khác nhau (một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng và chữ tượng hình) để xóc. Bên tay trái của người xóc cái được quy định là bên lẻ, bên tay phải của người xóc cái được quy định là bên chẵn. Sau khi xóc cái xong, người xóc cái mở bát đĩa ra, nếu số lượng quân vị có mặt cùng màu là số lẻ (1-3) thì bên đặt tiền vào cửa lẻ thắng, nếu số lượng quân vị cùng màu là số chẵn (2-4, 0-4) thì bên nào đặt tiền cửa chẵn sẽ thắng. Số tiền thắng được, thua đúng bằng số tiền đặt cửa. Số tiền đặt vào các cửa của mỗi ván chơi từ 200.000 đồng trở lên, khi ván chơi kết thúc có 02 người hồ lý chịu trách nhiệm thu tiền của người thắng trả cho người thua để tiếp tục thực hiện ván chơi khác.

Lời khai của các bị cáo cụ thể như sau:

1. Lê Văn S khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 29/01/2018, S đi xe khách từ trung tâm huyện V, tỉnh Thái Nguyên về thành phố B, tỉnh Bắc Giang thì vào một quán nước ở gần bãi xe Phong Thắng khu vực quảng trường 3/2, thành phố B ngồi uống nước. Tại đây, S có nghe một số người không quen biết rủ nhau đi đánh bạc nên đã cùng đi vào bãi xe Phong Thắng và lên một chiếc xe ô tô khách đỗ tại cổng bãi để đi đánh bạc. Sau khi lên xe, S và mọi người được đưa đến phòng số 3 tại khu công trường xây dựng văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố Tân Thành, phường Đ, thành phố B thì thấy đã có nhiều người ở đó. Tại đây, S thấy một nam thanh niên không quen biết bỏ một bát con, đĩa con đều bằng sứ và bốn quân vị để ra tại tấm thảm đã trải trước ra nhà để làm công cụ đánh bạc. Sau đó, S ngồi xuống cùng nhiều người tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Khi tham gia đánh bạc, S bỏ số tiền mặt là 500.000 đồng để đánh bạc và thắng được số tiền khoảng 2.000.000 đồng. S và mọi người đánh bạc đến 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu dưới chiếu bạc số tiền 30.000.000 đồng, trong đó có số tiền 2.000.000 đồng S thắng bạc và thu tại phòng đánh bạc số tiền 260.000.000 đồng nhưng không biết của ai bỏ lại. Đối với những tài sản của S bị tạm giữ bao gồm: 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 2.200.000 đồng và 01 điện thoại di động Sam Sung S8, màu đen đã qua sử dụng, S khai không sử dụng vào việc đánh bạc.

2. Phan Thị H khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 29/01/2018, H đi xe khách một mình từ thành phố Thái Nguyên đến thành phố B. Khi đến nơi, H vào một quán

nước tại khu vực Quảng trường thành phố B ngồi uống nước. Tại đây, H dùng điện thoại di động của mình gọi cho bạn là anh Nguyễn Tùng D, sinh năm 1974, trú tại thị trấn Bồ Hạ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì được anh D cho biết là đang ở bên sới bạc và hướng dẫn cho H đi xe taxi đến sới bạc. Khi đến nơi, H vào phòng số 3 tại khu Công trường xây dựng văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố Tân Thành, phường Đ, thành phố B thì thấy nhiều người đang tụ tập đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nhưng không thấy anh D đâu nên H đứng xem các đối tượng đánh bạc. Xem được một lúc, H bỏ số tiền 1.500.000 đồng để cùng mọi người đánh bạc. H đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang thu dưới chiếu bạc số tiền 30.000.000 đồng (trong đó có số tiền 1.500.000 đồng H thua bạc) và thu tại phòng đánh bạc số tiền 260.000.000 đồng nhưng không biết của ai bỏ lại. Đối với những tài sản của H bị tạm giữ bao gồm: số tiền 37.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng, H khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

3. Đoàn Văn L, sinh năm 1979, trú tại thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, L đang ở nhà thì được anh Nguyễn Tùng D, sinh năm 1974, trú tại thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang gọi xuống thành phố B để bàn việc đi làm than ở tỉnh Quảng Ninh. Sau khi nhận điện thoại, L thuê xe taxi xuống thành phố B thì được anh D hẹn ở khu vực đầu cầu Bắc Giang. Khi đến nơi, L xuống xe và gọi điện nhưng anh D không nghe máy. Tại đây, L nghe người dân bàn tán khu công trường xây dựng gần bờ sông có điểm đánh bạc nên đã đi bộ vào phòng số 3 tại khu công trường xây dựng văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B thì thấy nhiều người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nhưng không thấy anh D đâu. Sau đó, L bỏ số tiền 1.740.000 đồng ra để tham gia đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang thu dưới chiếu bạc số tiền 30.000.000 đồng (trong đó có số tiền 1.740.000 đồng L thua bạc) và thu tại phòng đánh bạc số tiền 260.000.000 đồng nhưng không biết của ai bỏ lại. Đối với những tài sản của L bị tạm giữ bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 160.000 đồng, tại cơ quan điều tra L khai số tiền 160.000 đồng là tiền sử dụng đánh bạc.

4. Trần Thị Y khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 29/01/2018, Y đang bán hàng nước tại đầu cầu M thuộc phường M, thành phố B thì nghe một số người khách ngồi uống nước nói chuyện về việc trong khu xây dựng ở bờ đê sông Thương thuộc địa phận phường Đ, thành phố B đang tụ tập đánh bạc nên Y dọn hàng vào khu vực xới bạc mục đích để bán nước. Khi đến nơi, Y đi đến phòng số 3 khu công trường xây dựng văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố Tân Thành, phường Đ, thành phố B bày hàng ra bán cho các con bạc. Sau khi xem mọi người đánh bạc được một lúc, Y bỏ số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc và bị thua nên quay ra bán nước thì Cơ quan Công an bắt quả tang bị bắt quả tang thu dưới chiếu bạc số tiền 30.000.000 đồng (trong đó có số tiền 1.000.000 đồng Y thua bạc) và thu tại phòng đánh bạc số tiền 260.000.000 đồng nhưng không biết của ai bỏ lại. Đối với tài sản của Y bị tạm giữ là số tiền 535.000 đồng, Y khai không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

5. Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, T đi taxi một mình từ nhà đến khu công trường xây dựng và vào phòng số 3 khu công trường xây dựng văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố Tân Thành, phường Đ, thành phố B để tìm một người bạn tên là Q để đòi tiền. Khi đi vào phòng, T thấy nhiều người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. T quan sát không thấy Q nên đứng xem đánh bạc được một lúc thì bỏ số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang thu dưới chiếu bạc số tiền 30.000.000 đồng (trong đó có số tiền 1.500.000 đồng T thua bạc) và thu tại phòng đánh bạc số tiền 260.000.000 đồng nhưng không biết của ai bỏ lại. Đối với những tài sản của T bị tạm giữ bao gồm: 01 điện thoại di động Nokia và số tiền 25.000 đồng, tại Cơ quan điều tra T khai số tiền 25.000 đồng T sử dụng để đánh bạc.

Số tiền các bị cáo đánh bạc được xác định: Lê Văn S là 2.000.000 đồng; Nguyễn Đình T là 2.000.000 đồng; Đoàn Văn L là 1.740.000 đồng; Phan Thị H là 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn T 1.500.000 đồng; Trần Thị Y là 1.000.000 đồng; Hoàng Văn Đ là 500.000 đồng; Trần Mỹ L là 200.000 đồng. Còn số tiền 19.560.000 đồng trong số tiền 30.000.000 đồng thu dưới chiếu bạc không đủ căn cứ xác định là của bị cáo nào.

Ngoài ra, trong quá trình bắt quả tang có nhiều đối tượng bỏ chạy thoát, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng đến nay không xác định được nhân T, địa chỉ các đối tượng này. Các đối tượng bị bắt quả tang và những người được Cơ quan điều tra triệu tập việc điều không ai biết thông tin về những đối tượng bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Với nội dung vụ án như trên, Cáo trạng số 109/KSĐT ngày 08/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2018/HSST ngày 10/10/2018 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Lê Văn S.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Phan Thị H.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều

136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Thị Y.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đoàn Văn L. Xử:

1, Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn S, Đoàn Văn L, Phan Thị H, Nguyễn Văn T, Trần Thị Y phạm tội “Đánh bạc”.

2, Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 năm tù. Tổng hợp với hình phạt tù 03 tháng tù của bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam của bản án này từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018 và trừ thời hạn tạm giữ tạm giam từ ngày 28/8/2017 đến ngày 12/9/2017 của bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị H 01 năm tù. Tổng hợp với hình phạt tù 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo của bản án số 51/2016/HS-ST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam của bản án này từ ngày 29/01/2018 đến ngày 13/02/2018 và trừ thời hạn tạm giữ tạm giam từ ngày 22/12/2015 đến ngày 25/12/2015 của bản án số 51/2016/HS-ST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018. Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Y 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018. Phạt bổ sung bị cáo Y 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 13/02/2018. Phạt bổ sung bị cáo L 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/10/2018 bị cáo Lê Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: án sơ thẩm xử như vậy quá nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 21/10/2018 bị cáo Phan Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: án sơ thẩm xử như vậy quá nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 21/10/2018 bị cáo Đoàn Văn L kháng cáo với nội dung án sơ thẩm xử nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già yếu, con nhỏ, vợ bị bệnh tim, đề nghị xin hưởng án treo. Ngày 19/10/2018 bị cáo Trần Thị Y kháng cáo với nội dung án sơ thẩm xử nặng, đề nghị xin hưởng án treo. Ngày 15/10/2018 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo với nội dung án sơ thẩm xử nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H, Đoàn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Các bị cáo thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn (Bị cáo S thuộc diện hộ nghèo, các con bị cáo đang còn ăn học, vợ bị cáo bị tai nạn gãy chân không đi làm được. Bị cáo H nhà cửa không có, phải nuôi 02 con nhỏ. Bị cáo L bố mẹ già yếu, con nhỏ, bị cáo đã nộp 10.200.000đ tiền phạt và tiền án phí). Bị cáo Y tại phiên tòa phúc thẩm xin rút kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo hoàn toàn tự nguyện do bị cáo nhận thấy án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: án sơ thẩm xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H và Nguyễn Văn T, xử y án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Đoàn Văn L: căn cứ nhân T, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy có đủ căn cứ cho bị cáo L được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn L, giữ nguyên mức hình phạt từ nhưng cho bị cáo L được hưởng án treo. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Thị Y.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H, Đoàn Văn L nói lời sau cùng: Bị cáo S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo H đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L đề nghị xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H, Đoàn Văn L, Trần Thị Y và Nguyễn Văn T đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Về việc vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn T: xét thấy bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa do sức khỏe không đảm bảo là không có căn cứ. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/01/2018, tại phòng số 3 khu công trường xây dựng văn hóa ẩm thực thể dục thể thao thuộc tổ dân phố Tân Thành, phường Đ, thành phố B, Lê Văn S, Nguyễn Đình T, Đoàn Văn L, Phan Thị H, Nguyễn Văn T, Trần Thị Y, Hoàng Văn Đ, Trần Mỹ L có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa đến hồi 15 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố B bắt quả tang thu dưới chiếu bạc số tiền 30.000.000 đồng, trong đó số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc được xác định: Lê Văn S là 2.000.000 đồng; Nguyễn Đình T là 2.000.000 đồng; Đoàn Văn L là 1.740.000 đồng; Phan Thị H là 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn T 1.500.000 đồng; Trần Thị Y là 1.000.000 đồng; Hoàng Văn Đ là 500.000 đồng Trần Mỹ L là 200.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H, Đoàn Văn L, Trần Thị Y và Nguyễn Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Y nhận thấy hành vi phạm tội của mình và mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là đúng pháp luật, nên bị cáo rút đơn kháng cáo. Xét việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, nên Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị Y, bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án còn có các bị cáo S, L, T, H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và giữ nguyên nội dung kháng cáo của pháp luật Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo và xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H, Đoàn Văn L và Nguyễn Văn T thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng tới H phúc và kinh tế cũng như sản xuất của nhiều gia đình, là cơ sở phát sinh nhiều tội phạm khác. Sau khi xử sơ thẩm xong, trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn L đã nộp 10.200.000 đồng tiền phạt và tiền án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2012/01205 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự ở cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa được áp dụng.

Các bị cáo S, H, L, T đều có nhân T xấu; bị cáo S đã 02 lần bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên xử 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo bản án số 05/2010/HS-ST ngày 03/02/2010 và bị xử 03 tháng tù theo bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 đều của Tòa án nhân dân huyện V,

tỉnh Thái Nguyên; bị cáo H bị xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” theo bản án số 01/2003/HSST ngày 10/01/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; bị cáo T bị xử 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo theo bản án số 317/2013/HSST ngày 09/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B. Nhưng các bị cáo S, H, T không lấy đó làm bài học, rèn luyện, tu dưỡng bản T mà lại tiếp tục đánh bạc, chứng tỏ các bị cáo là con người coi thường pháp luật. Do đó phải có hình phạt tù nghiêm, cách ly các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H và Nguyễn Văn T ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Về tổng hợp hình phạt: Đối với bị cáo H, lần phạm tội này trong trường hợp đang trong thời gian thử thách của bản án số 51/2016/HST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, nên cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt của bản án số 51/2016/HST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và tổng hợp với hình phạt theo Bản án mới về tội “Đánh bạc” của Tòa án nhân dân thành phố B. Nhưng bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2015 đến ngày 25/12/2015 theo bản án số 51/2016/HST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 13/02/2018 của bản án này.

Đối với bị cáo S đã bị xét xử theo bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên, bản án này đến nay đã có hiệu lực thi hành nên cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt của bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V và tổng hợp với hình phạt theo bản án mới về tội “Đánh bạc” của Tòa án nhân dân thành phố B, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam của bản án này từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018 và trừ thời hạn tạm giữ tạm giam từ ngày 28/8/2017 đến ngày 12/9/2017 của bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Án sơ thẩm đã xem xét vai trò mức độ phạm tội, nhân T, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ phạt bị cáo S, H mỗi bị cáo 01 năm tù, phạt bị cáo T 10 tháng tù và buộc phải cách ly khỏi xã hội là có căn cứ phù hợp pháp luật và đảm bảo đấu tranh phòng chống loại tội phạm đánh bạc ngày càng gia tăng trong tình hình hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Lý do kháng cáo mà các bị cáo đưa ra để xin hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt cũng không thỏa mãn yêu cầu của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần bác đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H và Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

Đối với bị cáo Đoàn Văn L được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, bị cáo xuất T từ thành phần nhân dân lao động, có nơi cư trú ổn định, trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp 10.200.000đ tiền phạt và tiền án phí, bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành con người tốt. Bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn L, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để phù hợp với các quy định của pháp luật và tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do bị cáo Lê Văn S và Phan Thị H thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Đoàn Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 342, Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Thị Y: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo Trần Thị Y. Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2018/HSST ngày 10/10/2018 của TAND thành phố B, tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo Trần Thị Y đã có hiệu lực pháp luật.

[2]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn S, Phan Thị H và Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn L, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo L hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Lê Văn S.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Phan Thị H.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65, khoản 1 Điều 47, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn L.

Xử:

1, Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn S, Đoàn Văn L, Phan Thị H, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

2, Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn S 01 năm tù. Tổng hợp với hình phạt tù 03 tháng tù của bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam của bản án này từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018 và trừ thời hạn tạm giữ tạm giam từ ngày 28/8/2017 đến ngày 12/9/2017 của bản án số 10/2018/HS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị H 01 năm tù. Tổng hợp với hình phạt tù 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo của bản án số 51/2016/HS-ST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam của bản án này từ ngày 29/01/2018 đến ngày 13/02/2018 và trừ thời hạn tạm giữ tạm giam từ ngày 22/12/2015 đến ngày 25/12/2015 của bản án số 51/2016/HS-ST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/01/2018 đến ngày 15/02/2018.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Văn L cho UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn S và Phan Thị H.

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Đoàn Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Đoàn Văn L đã nộp 10.200.000đ tiền phạt và tiền án phí tại biên lai thu tiền số AA/2012/01205 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA Tp Bắc Giang;
- Chi cục THADS Tp Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung